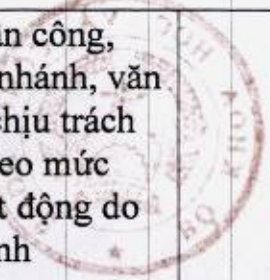




**BÁO CÁO VỀ RÀ SOÁT CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
CÓ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

NỘI DUNG DỰ THẢO	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ
Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ (Nghị định 99/2013/NĐ-CP và Nghị định 126/2021/NĐ-CP)		
Điều 1a. Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 1a như sau: “4. Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính là chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của pháp nhân, tổ chức được thực hiện theo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.”.	Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP hướng dẫn Luật XLVPHC Điều 3. Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính 4. Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh vi phạm hành chính trong phạm vi và thời hạn được ủy quyền của pháp nhân, tổ chức hoặc theo sự chỉ đạo, điều hành, phân công, chấp thuận của pháp nhân, tổ chức, thì đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính là pháp nhân, tổ chức đó và bị xử phạt vi phạm hành chính theo mức phạt áp dụng đối với tổ chức về những hoạt động do chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của pháp nhân, tổ chức đó thực hiện. Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của pháp nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính không thuộc phạm vi hoặc thời hạn được pháp nhân, tổ chức ủy quyền	Phù hợp với Nghị định số 118/2021/NĐ-CP hướng dẫn Luật XLVPHC

	<p>hoặc không theo sự chỉ đạo, điều hành, phân công, chấp thuận của pháp nhân, tổ chức, thì chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phải chịu trách nhiệm và bị xử phạt vi phạm hành chính theo mức phạt áp dụng đối với tổ chức về những hoạt động do chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thực hiện.</p>	
<p>Điều 3. Hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả</p> <p>2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của Điều 3 như sau:</p> <p>a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:</p> <p>“c) Đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ vi phạm từ 01 tháng đến 03 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành.”.</p>	<p>Khoản 2 Điều 25 Luật XPVPHC</p> <p>Điều 25. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn</p> <p>2. Đình chỉ hoạt động có thời hạn là hình thức xử phạt được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Đình chỉ một phần hoạt động gây hậu quả nghiêm trọng hoặc có khả năng thực tế gây hậu quả nghiêm trọng đối với tính mạng, sức khỏe con người, môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà theo quy định của pháp luật phải có giấy phép;</p> <p>b) Đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc hoạt động khác mà theo quy định của pháp luật không phải có giấy phép và hoạt động đó gây hậu quả nghiêm trọng hoặc có khả năng thực tế gây hậu quả nghiêm trọng đối với tính mạng, sức khỏe con người, môi trường và trật tự, an toàn xã hội.</p>	<p>Phù hợp với Luật XPVPHC</p>

<p>b) Sửa đổi, bổ sung các điểm a, b, c khoản 3 như sau:</p> <p>“a) Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa, phương tiện kinh doanh và tiêu hủy yếu tố vi phạm; buộc trả lại tên miền; buộc thu hồi tên miền; buộc thay đổi tên doanh nghiệp, loại bỏ yếu tố vi phạm trong tên doanh nghiệp;</p>	<p>Điều 19 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của CP về đăng ký doanh nghiệp.</p>	<p>Phù hợp với Nghị định số 01/2021/NĐ-CP</p>
<p>“b) Buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc giả mạo chỉ dẫn địa lý;</p>	<p>- Khoản 2 Điều 214 Luật SHTT</p> <p>2. Ngoài các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, tổ chức, cá nhân xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ còn có thể bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ, nguyên liệu, vật liệu và phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ với điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ và đáp ứng các điều kiện khác theo quy định của Chính phủ.</p>	<p>Phù hợp với Luật sửa đổi Luật SHTT năm 2022</p>

<p>c) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất đối với hàng hóa nhập khẩu giả mạo nhãn hiệu hoặc giả mạo chỉ dẫn địa lý, phương tiện, nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý sau khi đã loại bỏ yếu tố vi phạm;”.</p>	<p>Luật SHTT không quy định đối với hàng quá cảnh.</p> <p>Nhật SHTT không quy định đối với hàng quá cảnh. tái xuất đối với hàng hóa nhập khẩu giả</p> <p>Điều 28 và Điều 32 Luật XLVPHC quy định Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất đối với hàng hóa , vật phẩm, phương tiện được đưa vào lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nhập khẩu trái với quy định của pháp luật hoặc được tạm nhập, tái xuất nhưng không tái xuất theo đúng quy định của pháp luật.</p>	<p>Phù hợp với Luật SHTT và Luật XLVPHC</p>
<p>c) Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 3 như sau: “g) Buộc thu hồi tang vật, phương tiện vi phạm;</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung quy định về biện pháp buộc thu hồi tang vật, phương tiện vi phạm tại điểm g khoản 3 để đảm bảo có thể áp dụng biện pháp này đối với nhiều hành vi vi phạm quy định tại Nghị định.</p> <p>Quy định rõ hơn, bao quát các trường hợp khác.</p>	
<p>d) Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 như sau: “4. Việc buộc phân phối hoặc buộc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý quy định tại điểm b khoản 3 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau đây: a) Hàng hóa có giá trị sử dụng, không gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường;</p>	<p>Khoản 5 Điều 202 Luật SHTT</p> <p>5. Buộc tiêu hủy hoặc buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu và phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ với điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ.</p>	<p>Phù hợp với Luật SHTT</p>

<p>b) Yếu tố xâm phạm đã được loại bỏ khỏi hàng hóa;</p> <p>c) Việc phân phối, sử dụng không nhằm thu lợi nhuận và không ảnh hưởng một cách bất hợp lý tới việc khai thác bình thường quyền của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp, trong đó ưu tiên mục đích nhân đạo, từ thiện hoặc phục vụ lợi ích xã hội;</p> <p>d) Người được phân phối, tiếp nhận để sử dụng không phải là khách hàng tiềm năng của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp.”.</p>		
<p>3. Bổ sung Điều 3a vào sau Điều 3 như sau:</p> <p>“Điều 3a. Áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính</p> <p>1. Việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Phần thứ tư Luật Xử lý vi phạm hành chính và quy định tại Nghị định này.</p> <p>2. Tạm giữ tên miền thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính để xử lý vi phạm hành chính đối với một trong các hành vi chiếm hữu, sử dụng tên miền trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu, tên thương mại được bảo hộ của người khác hoặc chỉ dẫn địa lý mà mình không có quyền sử dụng với dụng ý xấu hoặc lợi dụng uy tín, danh tiếng của nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý tương ứng nhằm thu lợi bất chính.</p> <p>3. Cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính có thể đề nghị Bộ Thông tin và Truyền</p>	<p>Điều 125 Luật XLVPHC</p> <p>Tương ứng với Nghị định số 14/2022/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 15/2020/NĐ-CP (lĩnh vực Bưu chính VT), quy định tại khoản 2 Điều 4a được bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP</p>	<p>Phù hợp với Luật XLVPHC và Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông ...</p>

<p>thông (Trung tâm Internet Việt Nam), Nhà đăng ký tên miền phối hợp, cung cấp ý kiến chuyên môn, giữ nguyên hiện trạng tên miền trước khi tiến hành biện pháp tạm giữ tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính và biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.</p> <p>4. Bộ Thông tin và Truyền thông (Trung tâm Internet Việt Nam), Nhà đăng ký tên miền có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính tạm giữ tên miền, cung cấp ý kiến chuyên môn, thực hiện giữ nguyên hiện trạng tên miền và các biện pháp khác theo quy định của pháp luật.”.</p>		
<p>4. Sửa đổi, bổ sung tên điều và khoản 1, 2 Điều 4 như sau:</p> <p>“Điều 4. Xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt</p> <p>1. Việc xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này được áp dụng dựa trên một trong các căn cứ theo thứ tự ưu tiên quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 60 Luật Xử lý vi phạm hành chính như sau:</p> <p>a) Giá niêm yết hoặc giá ghi trên hợp đồng hoặc hóa đơn mua bán hoặc tờ khai nhập khẩu;</p> <p>b) Giá theo thông báo của cơ quan tài chính địa phương; trường hợp không có thông báo giá thì giá</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung tên Điều cho phù hợp với nội dung của Điều này và Luật XLVPHC</p>	<p>Phù hợp với Luật XLVPHC</p>

<p>theo giá thị trường tại thời điểm xảy ra vi phạm hành chính;</p> <p>c) Giá thành của hàng hóa vi phạm nếu là hàng hóa chưa xuất bán.</p> <p>2. Trường hợp không thể áp dụng các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này để xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc có thể ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm và thành lập Hội đồng định giá theo quy định tại khoản 3 Điều 60 Luật Xử lý vi phạm hành chính.”.</p>		
<p>5. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:</p> <p>a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều 6 như sau:</p> <p>“Điều 6. Vi phạm quy định về chỉ dẫn bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp và chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp”.</p>	<p>Đảm bảo tên điều bao hàm được các nội dung quy định tại điều này.</p> <p>Điều 141. Quy định chung về chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp</p>	<p>Phù hợp Luật SHTT</p>
<p>b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 như sau:</p> <p>“c) Nhận chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp mà không thông qua hình thức hợp đồng bằng văn bản; chỉ dẫn sai hoặc không ghi chỉ dẫn về hàng hóa được sản xuất theo hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.”.</p>	<p>Khoản 2 Điều 141 Luật SHTT</p> <p>“2. Việc chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp phải được thực hiện dưới hình thức hợp đồng bằng văn bản (sau đây gọi là hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp).”</p>	<p>Phù hợp Luật SHTT</p>
<p>c) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:</p> <p>“a) Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa, phương tiện kinh doanh đối với hành vi vi phạm quy</p>	<p>Sửa đổi điểm a và điểm c khoản 2 để phù hợp với hành vi vi phạm tại điểm c khoản 1 Điều này</p>	<p>Phù hợp Luật SHTT</p>

<p>định tại các điểm a, b và hành vi chỉ dẫn sai về hàng hóa được sản xuất theo hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;”.</p> <p>d) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau: “c) Buộc bổ sung chỉ dẫn đối với hành vi không ghi chỉ dẫn quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.”.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung quy định về các biện pháp khắc phục hậu quả tại các điểm a, c khoản 2 Điều 6 để đảm bảo biện pháp khắc phục đúng hậu quả mà các hành vi vi phạm quy định tại Điều này gây ra, qua đó khắc phục vướng mắc trong thực tiễn áp dụng. Đồng thời, bãi bỏ quy định về biện pháp buộc cải chính công khai tại điểm b khoản 2 Điều 6, do biện pháp này đã được bãi bỏ tại điểm e khoản 3 Điều 3.</p>	
<p>6. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 7 như sau:</p> <p>a) Bổ sung các điểm đ, e vào sau điểm d khoản 1 như sau: “đ) Không thông báo các khoản, mức phí, lệ phí liên quan đến thủ tục xác lập và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp cho khách hàng.</p>	<p>Điều 153 Luật SHTT Điều 153. Trách nhiệm của đại diện sở hữu công nghiệp</p> <p>1. Đại diện sở hữu công nghiệp có trách nhiệm sau đây:</p> <p>a) Thông báo các khoản, mức phí, lệ phí liên quan đến thủ tục xác lập và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp cho khách hàng;</p>	<p>Phù hợp Luật SHTT</p>
<p>e) Lừa dối hoặc ép buộc khách hàng trong việc giao kết và thực hiện hợp đồng dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.”.</p>	<p>Điều 152 Luật SHTT Điều 152. Trách nhiệm của đại diện sở hữu công nghiệp</p> <p>Điểm c khoản 3</p> <p>c) Lừa dối hoặc ép buộc khách hàng trong việc giao kết và thực hiện hợp đồng dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.</p>	<p>Phù hợp Luật SHTT</p>
	<p>Điều 152 Luật SHTT Điều 153. Trách nhiệm của đại diện sở hữu</p>	<p>Phù hợp Luật SHTT</p>

<p>b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:</p> <p>“c) Không thông tin hoặc thông tin không trung thực, đầy đủ các thông báo, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về xác lập, giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm về sở hữu công nghiệp trong thời hạn được yêu cầu cho bên được đại diện, trừ trường hợp trở ngại khách quan, sự kiện bất khả kháng;”.</p>	<p>công nghiệp</p> <p>1. Đại diện sở hữu công nghiệp có trách nhiệm sau đây:</p> <p>c) Thông tin trung thực và đầy đủ các thông báo, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác lập và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp; giao kịp thời văn bằng bảo hộ và các quyết định khác cho bên được đại diện;</p>	
<p>c) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 như sau:</p> <p>“a) Kinh doanh, hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp khi không đáp ứng điều kiện kinh doanh, hành nghề theo quy định tại Điều 154, Điều 155 Luật Sở hữu trí tuệ;”.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung quy định về kinh doanh, hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp tại điểm a khoản 3 để đảm bảo quy định đầy đủ hành vi vi phạm (hành vi kinh doanh và hành vi hành nghề) phù hợp với quy định tại Điều 154 và Điều 155 Luật SHTT. Khoản 3 Điều 25 Luật XPVPHC</p>	<p>Phù hợp Luật SHTT và Luật XLVPHC</p>
<p>d) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:</p> <p>“5. Biện pháp xử phạt bổ sung:</p> <p>a) Tịch thu tang vật là chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm e khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp đối với cá nhân từ 01 tháng đến 03 tháng hoặc đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh dịch vụ</p>	<p>Luật XLVPHC</p> <p>Điều 25. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn</p> <p>3. Thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, đình chỉ hoạt động quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này từ 01 tháng đến 24 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành. Người có thẩm quyền xử phạt giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề trong thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề.</p> <p>Thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, đình chỉ hoạt động cụ thể đối với một</p>	<p>Phù hợp Luật SHTT và Luật XLVPHC</p>

<p>đại diện sở hữu công nghiệp đối với tổ chức từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, b, c, d, đ, g, i khoản 2 và khoản 4 Điều này kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành.”.</p>	<p>hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung thời gian tước, đình chỉ được quy định đối với hành vi đó; nếu có tình tiết giảm nhẹ thì thời hạn tước, đình chỉ có thể giảm xuống nhưng không được thấp hơn mức tối thiểu của khung thời gian tước, đình chỉ; nếu có tình tiết tăng nặng thì thời hạn tước, đình chỉ có thể tăng lên nhưng không được vượt quá mức tối đa của khung thời gian tước, đình chỉ.</p>	<p>Phù hợp với Nghị định số 118/2021/NĐ-CP</p>
<p>7. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:</p> <p>“Điều 9. Vi phạm quy định về niêm phong, tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm trong quá trình thanh tra, kiểm tra</p> <p>1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi tháo gỡ, phá bỏ niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm đang bị niêm phong, tạm giữ.</p> <p>2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi thay đổi tang vật, phương tiện đang được xem xét trong quá trình thanh tra, kiểm tra hoặc đang bị niêm phong, tạm giữ.</p> <p>3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy tang vật, phương tiện đang được xem xét trong quá trình thanh tra, kiểm tra hoặc đang bị niêm phong, tạm giữ.</p> <p>4. Biện pháp khắc phục hậu quả:</p>	<p>Bổ sung một số cụm từ cho rõ nghĩa và phù hợp với thực tiễn.</p> <p>Sửa đổi quy định các biện pháp khắc phục hậu quả tại Điều 9 để đảm bảo phù hợp với tính chất, hậu quả của hành vi vi phạm và đảm bảo nguyên tắc dễ thực hiện, rõ ràng, dễ hiểu quy định tại khoản 4 Điều 5 và khoản 1 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p>	<p>Bổ sung để phù hợp với thực tiễn áp dụng.</p> <p>Phù hợp với nguyên tắc tại khoản 4 Điều 5 và khoản 1 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p>

<p>a) Buộc thu hồi tang vật, phương tiện vi phạm đã bị thay đổi, tẩu tán đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2, 3 Điều này;</p> <p>b) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này trong trường hợp không áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản này.”.</p>		
<p>8. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 10 như sau:</p> <p>a) Sửa đổi, bổ sung điểm a, khoản 1 như sau:</p> <p>“a) Buôn bán; chào hàng; tàng trữ để bán sản phẩm xâm phạm quyền đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí hoặc sản phẩm được sản xuất từ quy trình xâm phạm quyền đối với sáng chế, giải pháp hữu ích;”.</p>	<p>Bổ sung một số cụm từ cho rõ nghĩa và phù hợp với thực tiễn.</p>	

<p>b) Bổ sung khoản 13a vào sau khoản 13 như sau:</p> <p>“13a. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mà không trả tiền đền bù theo quy định về quyền tạm thời quy định tại Điều 131 Luật Sở hữu trí tuệ.”.</p>	<p>Bổ sung khoản 13a vào sau khoản 13 quy định xử phạt đối với hành vi không trả tiền đền bù theo quy định về quyền tạm thời quy định tại Điều 131 Luật Sở hữu trí tuệ.</p>	<p>Phù hợp với Luật SHTT</p>
<p>c) Sửa đổi, bổ sung các điểm a, b khoản 15 như sau:</p> <p>“a) Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm và tiêu hủy yếu tố vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này;</p> <p>b) Buiều này bỏ yếu tố vi phạm và tiêu hủy yếu tố vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định định tại Điều 131 Luật Sở ht) ĐiBuiều n”.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung quy định về các biện pháp khắc phục hậu quả tại khoản 15 để phù hợp với việc bổ sung hành vi vi phạm bị xử phạt tại khoản 13a nêu trên.</p>	
<p>d) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 15 như sau:</p> <p>“d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điều này.”.</p>		<p>Phù hợp với Luật XLVPHC</p>
<p>9. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 11 như sau:</p> <p>a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:</p> <p>“a) Buôn bán; chào hàng; tàng trữ để bán; trưng bày để bán; vận chuyển hàng hóa, dịch vụ xâm phạm</p>		

<p>quyền đối với nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, kiểu dáng công nghiệp;”.</p> <p>b) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 17 như sau:</p> <p>“d) Buộc thay đổi tên doanh nghiệp, loại bỏ yếu tố vi phạm trong tên doanh nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này;”.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung quy định về biện pháp khắc phục hậu quả buộc thay đổi tên doanh nghiệp, loại bỏ yếu tố vi phạm trong tên doanh nghiệp tại điểm d khoản 17 để đảm bảo quy định đầy đủ biện pháp này với các hành vi vi phạm quy định tại Điều này.</p>	
<p>10. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:</p> <p>a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều như sau:</p> <p>“Điều 12. Sản xuất, nhập khẩu, bán, chào hàng, tàng trữ để bán, trưng bày để bán, vận chuyển hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý”.</p>		

<p>b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:</p> <p>“a) Buôn bán; chào hàng; tàng trữ để bán; trưng bày để bán; vận chuyển hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý;”.</p>		
<p>c) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 12 như sau:</p> <p>“b) Đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi sản xuất, nhập khẩu hoặc hành vi đặt hàng, giao việc, thuê người khác thực hiện hành vi sản xuất, nhập khẩu quy định tại Điều này.”.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung quy định về biện pháp đình chỉ hoạt động sản xuất, kinh doanh đối với hành vi sản xuất, nhập khẩu tại điểm b khoản 12 để đảm bảo phù hợp với nguyên tắc quy định khoản 2 Điều 25 Luật Xử lý VPHC</p>	<p>Phù hợp với Luật XLVPHC</p>

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 13 như sau:

“a) Buộc tiêu hủy đối với hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý, nguyên liệu, vật liệu và phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này, trong trường hợp không áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản này;

b) Buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này, trong trường hợp không áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm c khoản này;

c) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất đối với hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý, phương tiện, nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý sau khi đã loại bỏ yếu tố vi phạm đối với hành vi nhập khẩu hoặc hành vi đặt hàng, giao việc, thuê người khác thực hiện hành vi nhập khẩu quy định tại Điều này;

d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định từ khoản 1 đến khoản 10 Điều này.”.

Sửa đổi, bổ sung khoản 13 về các biện pháp khắc phục hậu quả để đảm bảo thống nhất thứ tự ưu tiên áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả với quy định của pháp luật về SHTT và quy định rõ ràng về hành vi bị áp dụng biện pháp buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất để khắc phục vướng mắc trong thực tiễn áp dụng.

Sửa đổi các điểm này cho chính xác và trình tự ưu tiên về việc xử lý hàng hóa giả mạo.

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

<p>a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều như sau:</p> <p>“Điều 13. Sản xuất, nhập khẩu, bán, cung cấp, tàng trữ để bán, trưng bày để bán, vận chuyển tem, nhãn, vật phẩm mang nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý giả mạo”.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung tên Điều 13 để đảm bảo thống nhất với nội dung được quy định tại Điều này.</p>	
<p>b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:</p> <p>“a) Buôn bán; cung cấp; tàng trữ để bán; trưng bày để bán; vận chuyển tem, nhãn, bao bì, vật phẩm mang nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý giả mạo;”.</p>		
<p>12. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 14 như sau:</p> <p>a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:</p> <p>“a) Buôn bán; tàng trữ để bán hàng hóa, dịch vụ có gắn nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý giả mạo;”.</p> <p>g nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý giả mạo;”.</p> <p>i dẫn địa lý giả mạo”</p> <p>củanguán; tàng trữ để bán hàng hóa, dịch vụ có gắn xuất xứ, cách sản xuất, tính năng, chất lượng, số lượng hoặc đặc điểm khác của hàng hóa, dịch vụ hoặc về điều kiện cung cấp hàng hóa, dịch vụ;</p>		

<p>b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 16 như sau:</p> <p>“a) Chiếm hữu, sử dụng tên miền trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu, tên thương mại được bảo hộ của người khác hoặc chỉ dẫn địa lý mà mình không có quyền sử dụng với dụng ý xấu hoặc lợi dụng uy tín, danh tiếng của nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý tương ứng nhằm thu lợi bất chính;”.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm a khoản 16 để phù hợp với nội dung quy định tại khoản 50 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT năm 2022 (sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 130 Luật Sở hữu trí tuệ) quy định về hành vi cạnh tranh không lành mạnh đối với tên miền.</p> <p>Điểm d khoản 1 Điều 130 Luật SHTT</p> <p>Điều 130. Hành vi cạnh tranh không lành mạnh</p> <p>1. Các hành vi sau đây bị coi là hành vi cạnh tranh không lành mạnh:</p> <p>d) Chiếm hữu, sử dụng tên miền trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu, tên thương mại được bảo hộ của người khác hoặc chỉ dẫn địa lý mà mình không có quyền sử dụng với dụng ý xấu, lợi dụng uy tín, danh tiếng của nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý tương ứng nhằm thu lợi bất chính.</p>	<p>Phù hợp với Luật SHTT</p>
<p>13. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:</p> <p>a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều như sau:</p> <p>“Điều 15. Phân định thẩm quyền xử phạt”;</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung tên Điều 15 để đảm bảo thống nhất với nội dung được quy định tại Điều này.</p>	

<p>b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:</p> <p>“4. Hải quan có thẩm quyền xử phạt hành vi vi phạm quy định tại các Điều 6, 9, 10, 11, 12, 13 và 14 của Nghị định này trong hoạt động nhập khẩu hàng hóa.”.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung quy định về phân định thẩm quyền của lực lượng hải quan để phù hợp với việc không quy định xử phạt đối với hành vi quá cảnh tại Nghị định.</p> <p>Luật SHTT không quy định đối với hàng quá cảnh</p>	<p>Phù hợp với Luật SHTT</p>
<p>14. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 22 như sau:</p> <p>“2. Tổ chức, cá nhân phát hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp gây thiệt hại cho người tiêu dùng hoặc cho xã hội, hành vi vi phạm liên quan đến hàng hóa, tem, nhãn, vật phẩm mang nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý giả mạo có quyền thông báo và yêu cầu cơ quan, người có thẩm quyền để tiến hành xác minh, thực hiện thủ tục xử lý vi phạm theo quy định; tổ chức, cá nhân bị thiệt hại hoặc có khả năng bị thiệt hại do hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp gây ra có quyền kiến nghị tới cơ quan, người có thẩm quyền để tiến hành xác minh, thực hiện thủ tục xử lý vi phạm theo quy định.</p> <p>Khi nhận được thông báo hoặc kiến nghị của tổ chức, cá nhân quy định tại Khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền có trách nhiệm kiểm tra và phối hợp với chủ thể quyền sở hữu công nghiệp xác minh, thực hiện thủ tục xử lý vi phạm theo quy định tại khoản 3 Điều này.”.</p>	<p>Khoản 3 Điều 198 Luật SHTT</p> <p>Điều 198. Quyền tự bảo vệ</p> <p>3. Tổ chức, cá nhân bị thiệt hại hoặc có khả năng bị thiệt hại do hành vi cạnh tranh không lành mạnh có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng các biện pháp dân sự quy định tại Điều 202 của Luật này.</p> <p>Khoản 3 Điều 14 Luật XLVPHC</p> <p>Điều 14. Trách nhiệm đấu tranh phòng, chống vi phạm hành chính</p> <p>3. Cá nhân, tổ chức có trách nhiệm phát hiện, tố cáo và đấu tranh phòng, chống vi phạm hành chính.</p>	<p>Phù hợp với quy định của Luật SHTT và Luật XLVPHC</p>

15. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 31 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Trình tự, thủ tục thi hành biện pháp khắc phục hậu quả buộc thay đổi tên doanh nghiệp hoặc buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trong tên doanh nghiệp:

a) Trường hợp người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong đó có áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc thay đổi tên doanh nghiệp hoặc buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trong tên doanh nghiệp thì cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm gửi quyết định cho các bên liên quan và Phòng Đăng ký kinh doanh để biết. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả có hiệu lực thi hành, doanh nghiệp vi phạm có trách nhiệm tiến hành thay đổi tên doanh nghiệp, loại bỏ yếu tố vi phạm trong tên doanh nghiệp.

b) Trường hợp doanh nghiệp vi phạm không tiến hành thủ tục thay đổi tên doanh nghiệp, loại bỏ yếu tố vi phạm trong tên doanh nghiệp thì bị cưỡng chế thi hành. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn thi hành quyết định nêu tại điểm a khoản này, cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm thông báo cho Phòng Đăng ký kinh doanh để phối hợp xử lý.

Điều 19 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của CP về đăng ký doanh nghiệp

Phù hợp với Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của CP về đăng ký doanh nghiệp

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm, Phòng Đăng ký kinh doanh ra Thông báo yêu cầu doanh nghiệp báo cáo giải trình theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 216 Luật Doanh nghiệp.

c) Trách nhiệm, phối hợp xử lý tên doanh nghiệp xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp:

Chủ thể quyền sở hữu công nghiệp có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các hồ sơ, tài liệu theo quy định và phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền trong quá trình xử lý tên doanh nghiệp xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.

Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý yêu cầu thay đổi tên doanh nghiệp theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm hoặc chủ thể quyền sở hữu công nghiệp; yêu cầu doanh nghiệp báo cáo giải trình theo quy định của Luật Doanh nghiệp khi nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Trình tự, thủ tục thi hành biện pháp khắc phục hậu quả buộc trả lại tên miền:

a) Trong trường hợp áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc trả lại tên miền thì tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tiến hành thủ tục trả lại tên miền tại cơ quan quản lý tên miền trong thời hạn 30 ngày

<p>kể từ ngày quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả có hiệu lực thi hành.</p> <p>b) Sau thời hạn nêu trên nếu tổ chức, cá nhân vi phạm không tiến hành thủ tục trả lại tên miền thì bị cưỡng chế thi hành bằng biện pháp buộc thu hồi tên miền.</p> <p>c) Cơ quan quản lý tên miền, Nhà đăng ký tên miền có trách nhiệm thu hồi tên miền để thi hành quyết định cưỡng chế nêu tại điểm b khoản này.</p> <p>Nhà đăng ký tên miền có trách nhiệm thông báo thu hồi tên miền cho chủ thể đăng ký sử dụng tên miền, thực hiện nghiệp vụ thu hồi tên miền và gửi văn bản báo cáo cho cơ quan quản lý tên miền sau khi hoàn tất việc thu hồi tên miền.”.</p>		
<p>c) Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 Điều 31 như sau:</p> <p>“5. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính có áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất tang vật, phương tiện vi phạm hành chính mà tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính không tự nguyện thực hiện thì bị cưỡng chế bằng biện pháp buộc tiêu hủy tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.”.</p>	<p>Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 Điều 31 quy định về cưỡng chế áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất để khắc phục các khó khăn trong thực tiễn áp dụng.</p>	

<p>Điều 2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ cụm từ, điểm, khoản, điều của Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ</p> <p>1. Bổ sung cụm từ “và các hoạt động khác làm ra” vào sau cụm từ “đóng gói” tại điểm a khoản 13 Điều 10, điểm a khoản 13 Điều 11, điểm a khoản 10 Điều 12;</p>	<p>Bổ sung cụm từ “và các hoạt động khác làm ra” vào sau cụm từ “đóng gói” tại điểm a khoản 13 Điều 10, điểm a khoản 13 Điều 11, điểm a khoản 10 Điều 12 để đảm bảo quy định đầy đủ các trường hợp của hành vi sản xuất.</p>	
<p>2. Thay thế cụm từ “và các hoạt động khác làm ra” vào sau cụm từ “đóng gói” tại điểm a khoản 13 Điều 10, điểm a khoản 18 Điều 14; thay thế cụm từ “và các hoạt động khác làm ra” vào sau cụm từ “đóng gói” tại điểm a khoản 13 Điều 10, điểm</p>	<p>Điểm d khoản 4 Điều 201 Luật SHTT</p> <p>Điều 201. Giám định về sở hữu trí tuệ</p> <p>4. Nguyên tắc thực hiện giám định bao gồm:</p> <p>đ) Chi phí giám định được xác định theo thỏa thuận giữa người có yêu cầu giám định và tổ chức, cá nhân giám định.</p>	
<p>3. Bãi bỏ quy định điểm e, điểm i khoản 3 Điều 3; khoản 3 Điều 4; điểm b khoản 2 Điều 6; điểm h khoản 2, khoản 6 Điều 7; khoản 14, điểm c khoản 15 Điều 10; khoản 16, điểm c khoản 17 Điều 11; khoản 17 Điều 14; khoản 5 Điều 20.</p>	<p>Bãi bỏ quy định về áp dụng biện pháp xử phạt bổ sung đình chỉ hoạt động sản xuất, kinh doanh khoản 14 Điều 10, khoản 16 Điều 11, khoản 17 Điều 14 đảm bảo phù hợp với nguyên tắc quy định khoản 2 Điều 25 Luật Xử lý VPHC. Bãi bỏ quy định về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hàng hóa quá cảnh quy định tại điểm c khoản 15 Điều 10, điểm c khoản 17 Điều 11.</p> <p>Sửa đổi, bổ sung quy định về hành vi buôn bán, vận chuyển, tàng trữ quy định điểm a khoản 1 của</p>	

	<p>các Điều 10, 11, 12, 13, 14 theo hướng không quy định hành vi quá cảnh và quy định hành vi "bán", "tàng trữ để bán" để đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 124 Luật SHTT.</p> <p>Bãi bỏ quy định tại khoản 5 Điều 20 để đảm bảo nguyên tắc rõ ràng trong quy định thẩm quyền và khắc phục vướng mắc trong thực tiễn áp dụng.</p> <p>Phù hợp với quy định của Luật SHTT và thực tế</p>	<p>Phù hợp với quy định của Luật SHTT</p>
--	--	---

